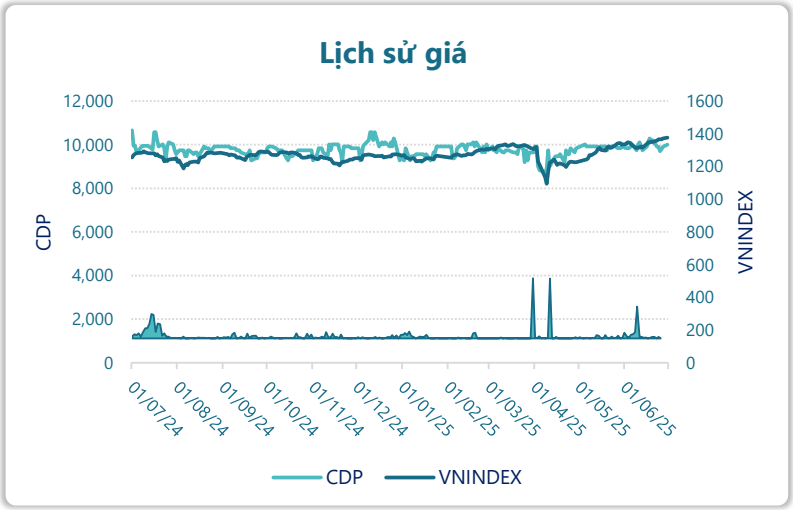
CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha (UPCOM: CDP)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,656
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,730
SL cổ phiếu LH	18,208,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,550
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
P/E	7.2
EPS	1,398

DT thuần

Q2/25

791

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 105| 15.3%

YoY: ▼173| -18.0%

LN sau thuế

Q2/25

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.42| 72.0%

YoY: ▲ 3.73| 54.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.9%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

6T 2025

1,477

tỷ VNĐ

YoY: ▼91.0| -5.9%

LN sau thuế

6T 2025

16.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.30| 62.2%

ROE

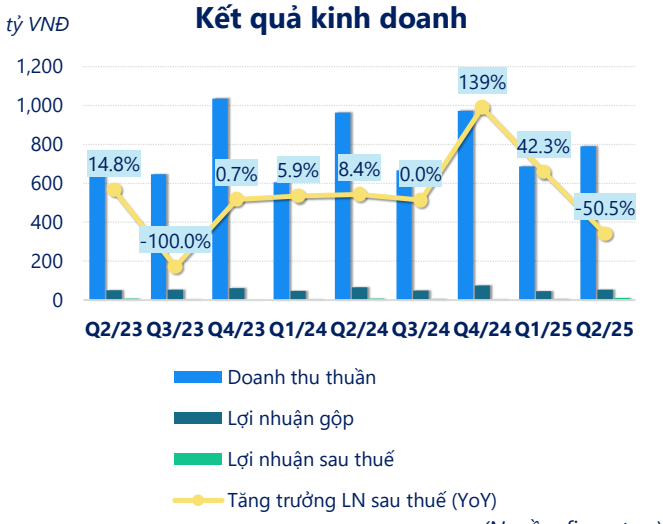
Q2/25

11.8%

+/- YoY: ▲ 4.6%

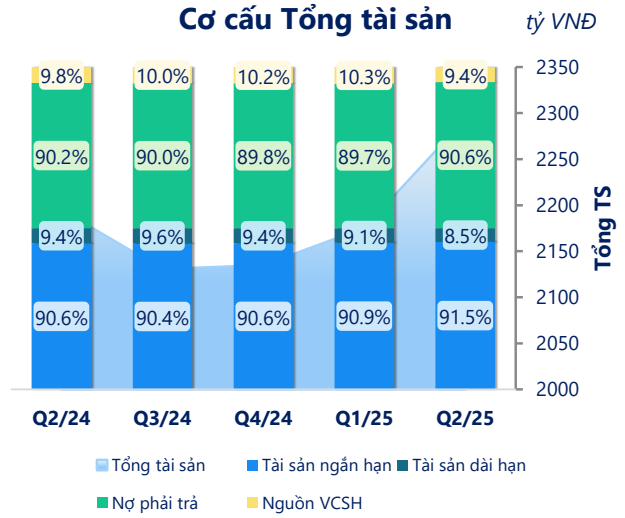
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



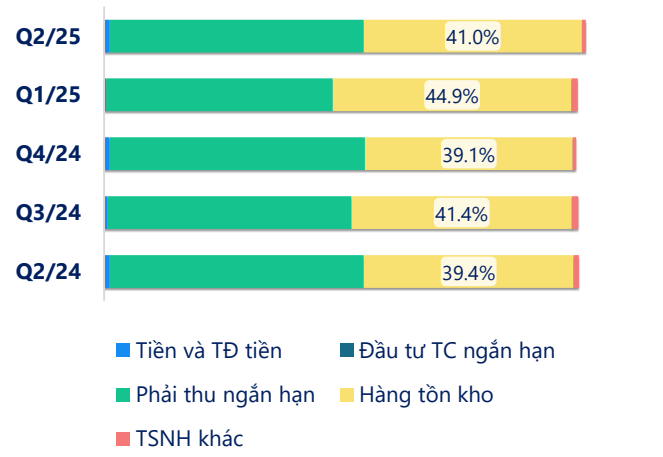
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



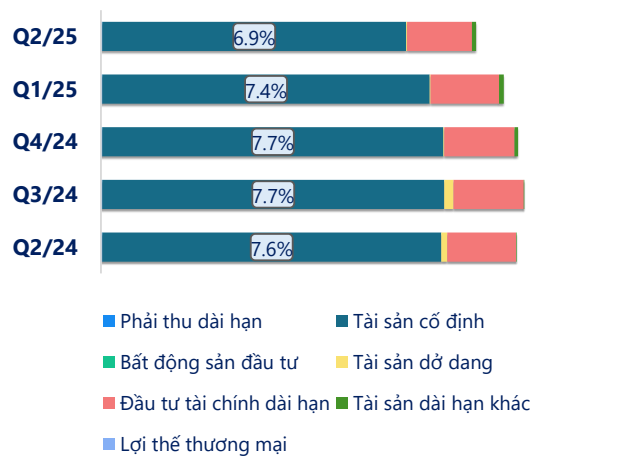
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



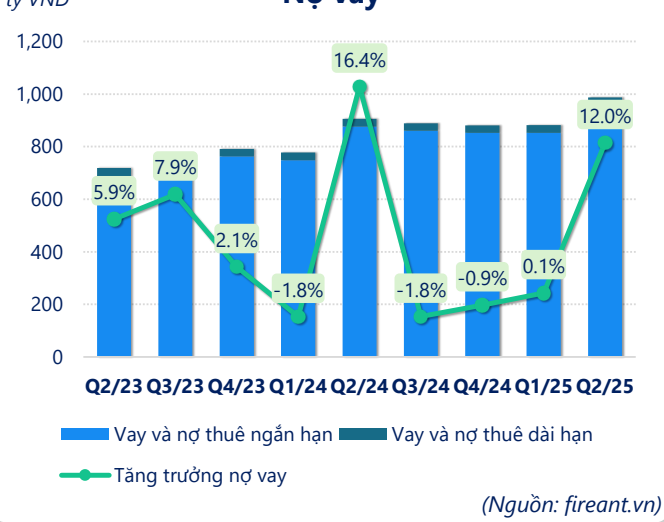
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



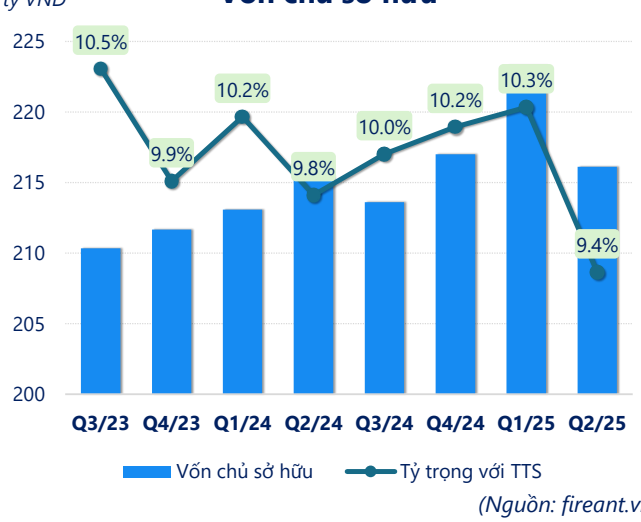
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



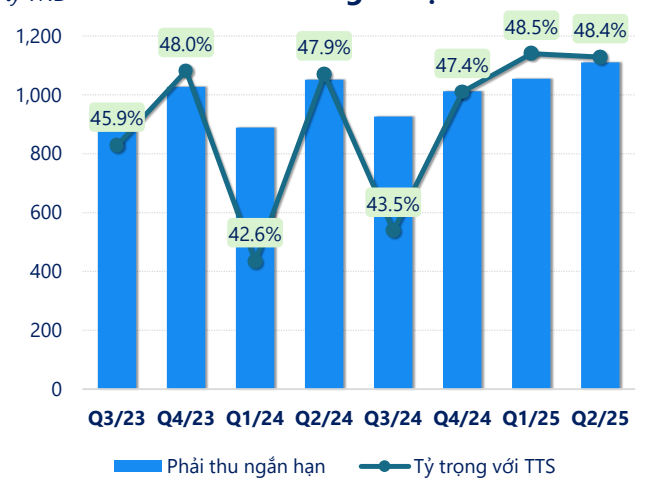
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



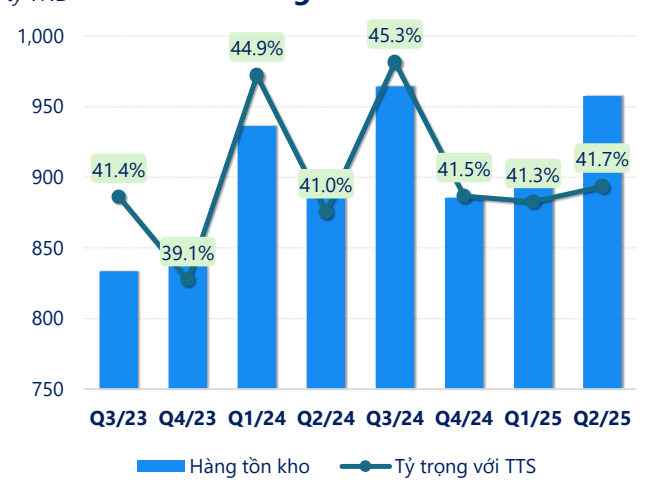
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



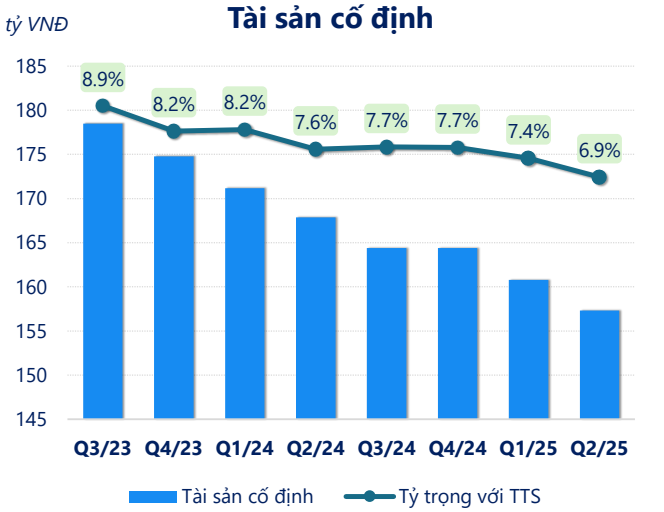
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



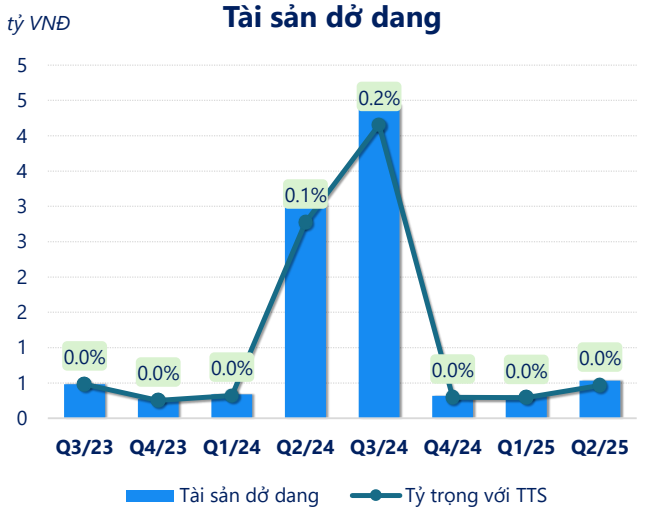
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



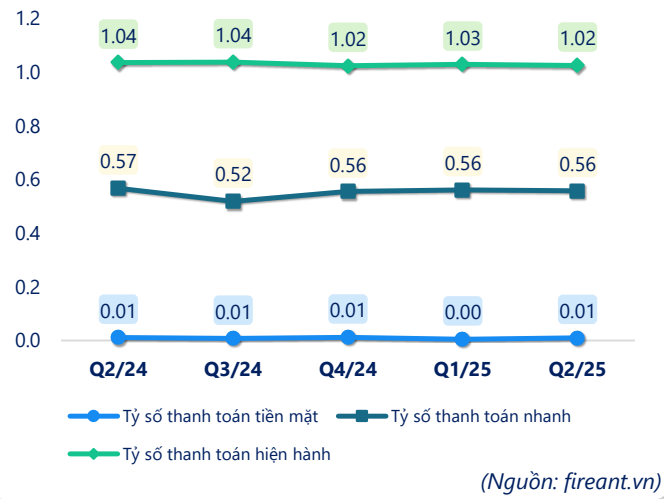
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



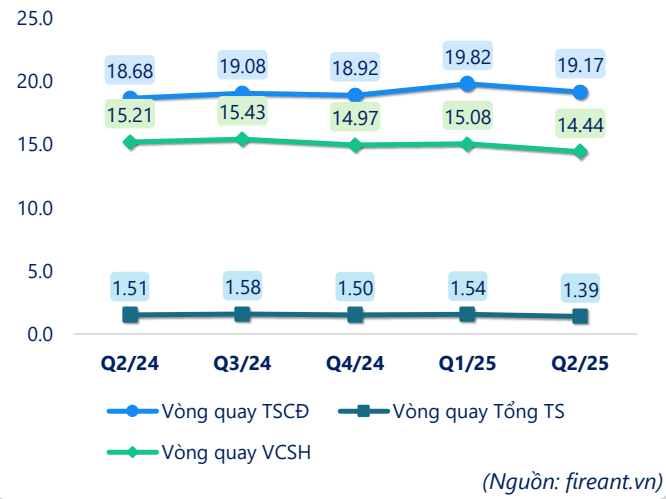
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,195**	**2,131**	**2,135**	**2,175**	**2,294**
Tài sản ngắn hạn	**1,989**	**1,927**	**1,934**	**1,978**	**2,100**
Tiền và tương đương tiền	20.7	13.6	22.1	8.66	21.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,052	927	1,012	1,055	1,110
Hàng tồn kho	900	964	885	898	957
Tài sản ngắn hạn khác	16.3	22.7	14.1	15.4	10.7
Tài sản dài hạn	**206**	**204**	**201**	**198**	**194**
Phải thu dài hạn	0.65	0.65	0.65	0.65	0.65
Tài sản cố định	168	164	164	161	157
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.04	4.43	0.32	0.32	0.53
Đầu tư tài chính dài hạn	34.0	33.8	33.9	33.7	33.5
Tài sản dài hạn khác	0.35	0.29	1.76	2.29	2.08
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,980**	**1,917**	**1,918**	**1,952**	**2,078**
Nợ ngắn hạn	**1,920**	**1,858**	**1,889**	**1,923**	**2,048**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	876	860	852	853	958
Phải trả người bán ngắn hạn	1,006	969	996	1,047	1,039
Nợ dài hạn	59.2	59.2	29.2	29.2	29.2
Vay và nợ thuê dài hạn	29.0	29.0	29.0	29.0	29.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**215**	**214**	**217**	**223**	**216**
Vốn chủ sở hữu	**215**	**214**	**217**	**223**	**216**
Vốn điều lệ	183	183	183	183	183
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)